

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA KÌ II – NĂM HỌC 2023-2024
Phần 1. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Bài 10

CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)

I. NHẬN BIẾT

Câu 1. Cải cách hành chính của Lê Thánh Tông diễn ra trong bối cảnh chính trị như thế nào?

- A. Nội bộ triều đình có nhiều mâu thuẫn biến động.
- B. Nạn đói diễn ra trầm trọng, đời sống khổ cực.
- C. Chế độ ruộng đất bất cập, tình trạng mất mùa tăng.
- D. Nạn cường hào lộng hành và quan lại tham ô.

Câu 2. Vua Lê Thánh Tông tập trung tiến hành cuộc cải cách trong lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế.
- B. Giáo dục.
- C. Hành chính.
- D. Văn hóa.

Câu 3. Cuộc cải cách hành chính lớn nhất nước ta từ thế kỉ X – XV do ai thực hiện?

- A. Khúc Hạo.
- B. Lý Thánh Tông.
- C. Trần Thánh Tông.
- D. Lê Thánh Tông.

Câu 4. Mô hình tổ chức hành chính nào sau đây thuộc thời Lê sơ sau cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông?

- A. Đạo, lộ, phủ, châu, hương, giáp, xã.
- B. Đạo thừa tuyên, phủ, huyện, châu, xã.
- C. Lộ, trấn, đạo, phủ, châu, giáp, xã.
- D. Lộ, hương, đạo, phủ, châu, huyện, xã.

Câu 5. Chế độ phong kiến Việt Nam phát triển đỉnh cao ở triều đại nào?

- A. Nhà Lý.
- B. Nhà Trần.
- C. Nhà Lê sơ.
- D. Nhà Tiền Lê.

Câu 6. Bộ luật được biên soạn dưới thời Lê sơ?

- A. Hình thư
- B. Quốc triều hình luật.
- C. Hình luật.
- D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 7. Bộ máy nhà nước phong kiến nước ta được tổ chức hoàn chỉnh dưới triều vua nào?

- A. Lý Thái Tổ.
- B. Trần Thánh Tông.
- C. Lê Thái Tông.
- D. Lê Thánh Tông.

Câu 8. Trong lịch sử nước ta nối tiếp sự nghiệp của nhà Hồ (1400 – 1407) là triều đại phong kiến nào?

- A. Nhà Mạc.
- B. Tiền Lê.
- C. Lê Sơ.
- D. Lê Trung Hưng.

Câu 9. Trong thời kì Văn minh Đại Việt dưới thời Lê sơ, Nho giáo có vị trí như thế nào?

- A. Khuyến khích nhân tài. B. Vinh danh hiền tài.
C. Đề cao vai trò của nhà vua. D. Răn đe hiền tài.

Câu 22. Dưới thời vua Lê Thánh Tông, dưới đạo thừa tuyên là

- A. phủ, huyện, châu và xã.
- B. quận, phường, phố.
- C. huyện, xã, thôn.
- D. tỉnh, phủ, huyện và làng.

Câu 23. Quân đội thời Lê sơ được phiên chế thành những bộ phận nào?

- A. Cấm binh và ngoại binh.
- B. Bộ binh và thủy binh.
- C. Quân triều đình và quân địa phương.
- D. Cấm quân và quân ở các lộ.

Câu 24. Thời vua Lê Thánh Tông tư tưởng chiếm địa vị độc tôn, chính thống trong xã hội là

- A. Phật giáo
- B. Đạo giáo
- C. Nho giáo.
- D. Thiên chúa giáo

Câu 25. Đội ngũ quan lại được bổ nhiệm vào bộ máy nhà nước thời vua Lê Thánh Tông chủ yếu từ

- A. những người đỗ đạt trong các khoa thi.
- B. các “công thần khai quốc” triều Lê.
- C. vương hầu quý tộc thuộc tôn thất nhà Lê.
- D. các tướng lĩnh quân đội.

II. THÔNG HIỂU

Câu 26. Giai cấp nào chiếm tuyệt đại bộ phận dân cư trong xã hội nước ta thời Lê sơ?

- A. Nông dân.
- B. Thợ thủ công.
- C. Thương nhân.
- D. Nô tì.

Câu 27. Chính sách nào của vua Lê Thánh Tông đã giúp tập trung tối đa quyền lực vào tay nhà vua?

- A. Bãi bỏ chức tể tướng, đại hành khiển thay bằng 6 bộ do vua trực tiếp quản lý.
- B. Chia cả nước thành 13 đạo thừa tuyên mỗi đạo thừa tuyên gồm 3 ty.
- C. Ban hành bộ luật Hồng Đức để bảo vệ lợi ích của triều đình, giai cấp thống trị.
- D. Tăng cường lực lượng quân đội triều đình xây dựng hệ thống phòng thủ quốc gia.

Câu 28. Cuộc cải cách hành chính của vua Lê Thánh Tông không mang ý nghĩa nào đối với tình hình Đại Việt?

- A. Hoàn thiện bộ máy nhà nước phong kiến quân chủ.
- B. Đưa chế độ phong kiến Việt Nam phát triển lên đỉnh cao.
- C. Ổn định chính trị để phát triển kinh tế, văn hóa.
- D. Thúc đẩy quá trình khai hoang và mở rộng lãnh thổ.

Câu 29. “Một thước núi, một tấc sông của ta lẽ nào lại vứt bỏ... Kẻ nào dám đem một tấc đất của Thái Tổ làm môi cho giặc thì tội phải tru di”. Lời căn dặn trên của vua Lê Thái Tông phản ánh điều gì?

- A. Ý thức về việc bảo vệ chủ quyền quốc gia dân tộc.
- B. Sách lược ngoại giao của nhà Lê đối với Trung Hoa.

- C. Chính sách đoàn kết để bảo vệ chủ quyền dân tộc.
- D. Chính sách Nam tiến của nhà Lê.

Câu 30. Sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã từng bước tiến hành cải cách nhằm mục đích gì?

- A. Tăng cường quyền lực của hoàng đế và củng cố bộ máy nhà nước
- B. Củng cố và hoàn thiện một bước mới nền quân chủ phong kiến chuyên chế.
- C. Biến nước ta trở thành một quốc gia hùng cường và lớn mạnh trong khu vực.
- D. Xây dựng hệ thống phòng thủ nhằm bảo vệ chủ quyền quốc gia.

Câu 31. Câu nào sau đây đúng về bối cảnh lịch sử trước khi vua Lê Thánh Tông lên ngôi?

- A. Sau khi vua Lê Thái Tổ qua đời, các vị vua kế vị thường ít tuổi, đất nước khủng hoảng, bộ máy hành chính nhà nước yếu kém về mọi mặt.
- B. Vua Lê Thái Tông lên ngôi vua lúc 10 tuổi, Lê Nhân Tông lên ngôi lúc 2 tuổi không đủ khả năng kiểm chế tình trạng mâu thuẫn trong nội bộ triều đình.
- C. Sự lộng hành của một số quyền thần đã gây nên vụ án oan “Lệ Chi Viên” đối với gia đình Nguyễn Trãi.
- D. Nhà Trần lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu trên nhiều lĩnh vực, các cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra nhiều nơi.

Câu 32. Sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã từng bước tiến hành cải cách nhằm mục đích?

- A. Tăng cường quyền lực của hoàng đế và bộ máy nhà nước.
- B. Giúp Đại Việt thoát khỏi nguy cơ bị xâm lược.
- C. Biến nước ta trở thành một nước công nghiệp tiên tiến.
- D. Tạo tiền đề đưa nhà Lê sơ trở thành thời kì phát triển cao.

Câu 33. Ở thời vua Lê Thánh Tông, dưới đạo thừa tuyên là

- A. Phủ, huyện, châu và xã.
- B. Quận, phường, phố.
- C. Huyện, xã, thôn.
- D. Tỉnh, phủ, huyện và làng.

Câu 34. Nội dung nào sau đây không đúng về cải cách của vua Lê Thánh Tông?

- A. Thẻ lệ thuế khoá được nhà nước quy định theo quy mô sản xuất và doanh thu của mỗi hộ gia đình hoặc hộ kinh doanh.
- B. Thực hiện chính sách quân điền phân chia ruộng đất công cho các hạng từ quan lại, binh lính, dân đinh, ...
- C. Nhà nước đặt Hà đê quan và Khuyến nông quan để quản lí việc đê điều, nông nghiệp, đặt Đồn điền quan để khuyến khích việc khẩn hoang.
- D. Vua Lê Thánh Tông có lệnh dụ các quan địa phương "Lễ nghĩa để sửa tốt lòng

dân, nông tang để có đủ cơm áo....”.

Câu 35. Năm 1460, vua Lê Thánh Tông lên ngôi trong bối cảnh

- A. tình hình đất nước đã từng bước ổn định sau khi vua Lê Thái Tổ băng hà. tình hình đất nước từng bước ổn định, song bộ máy hành chính bắt đầu bộc lộ hạn chế.
- B. tình hình của đất nước rối ren, hỗn loạn, các thế lực thù địch nhắm nhe xâm lược nước ta.
- C. tình hình chính trị, kinh tế, xã hội vô cùng khó khăn sau khi vua Lê Thái Tổ băng hà.

Bài 11

CUỘC CẢI CÁCH MINH MẠNG NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

I. NHẬN BIẾT

Câu 1. Nội dung nào **không** phản ánh đúng về bối cảnh thực hiện cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)?

- A. Tình trạng lạm quyền của quan lại địa phương.
- B. Mâu thuẫn xã hội diễn ra gay gắt.
- C. Bộ máy nhà nước chưa hoàn chỉnh.
- D. Chế độ quân chủ đang trong thời kì thịnh trị.

Câu 2. Để củng cố thể chế quân chủ chuyên chế, vào nửa đầu thế kỉ XIX nhà Nguyễn đã

- A. thực hiện chính sách đóng cửa.
- B. ban hành chính sách kinh tế mới.
- C. tiến hành cải cách đất nước.
- D. tiến hành đổi mới đất nước.

Câu 3. Vào nửa đầu thế kỉ XIX, vị vua nào của triều Nguyễn đã thực hiện công cuộc cải cách?

- A. Gia Long.
- B. Minh Mạng.
- C. Thiệu Trị.
- D. Tự Đức.

Câu 4. Về kinh tế, năm 1836, vua Minh Mạng đã thực hiện biện pháp nào sau đây?

- A. Giảm tô, giảm thuế.
- B. Khôi phục ruộng đất công.
- C. Tiến hành tăng gia sản xuất
- D. Ban hành tiền giấy.

Câu 5. Để tăng cường tính thống nhất của quốc gia, vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã chia cả nước thành

- A. 12 đạo thừa tuyên và một phủ Thừa Thiên.
- B. 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên.
- C. lộ (trấn) do An phủ sứ quản lí.
- D. 63 tỉnh thành.

Câu 6. Dưới thời vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã thi hành biện pháp quân sự nào sau đây?

- A. Triển khai cải cách hành chính địa phương trên quy mô cả nước.

- B. Quy định lại chính sách thuế với thuyền buôn nước ngoài đến buôn bán.
- C. Tiến hành độc tôn Nho giáo, hạn chế Phật giáo và cấm đạo Thiên Chúa giáo.
- D. Quân đội được tổ chức theo mô hình và phiên chế của phương Tây.

Câu 7. Một trong những nội dung cải cách kinh tế của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

- A. cải cách thuế đinh và tô ruộng.
- B. quy định lại chính sách thuế với thuyền buôn nước ngoài.
- C. quy định thể lệ thuế khóa theo hạng.
- D. cho phép thương nhân nước ngoài được tự do buôn bán.

Câu 8. Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Tiến hành đổi mới đất nước.
- B. Thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.
- C. Thống nhất đất nước về mặt nhà nước.
- D. Đấu tranh giành chính quyền.

Câu 9. Vị vua nào dưới triều Nguyễn đã quyết định chia đất nước thành các đơn vị hành chính tỉnh?

- A. Gia Long. B. Minh Mạng. C. Thiệu Trị. D. Tự Đức.

Câu 10. Nội dung nào dưới đây thuộc lĩnh vực văn hóa trong cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)?

- A. Triển khai cải cách hành chính địa phương trên quy mô cả nước.
- B. Mở trường dạy học, cử người giỏi đi du học ở phương Tây.
- C. Xây dựng quân đội theo mô hình phương Tây.
- D. Thành lập Quốc sử quán để biên soạn và thu thập sách sử.

Câu 11. Hoạt động nào dưới đây **không** phải nội dung cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

- A. nhà nước tuyển chọn quan lại thông qua thi cử.
- B. nhà nước không tổ chức thi cử.
- C. nhà nước chỉ tuyển chọn con quan lại.
- D. nhà nước không chú trọng giáo dục Nho học.

Câu 12. Hàn Lâm Viện có chức năng, nhiệm vụ nào?

- A. Khởi thảo văn kiện cho triều đình.
- B. Giảng dạy kinh sử, đào tạo nhân tài.
- C. Chăm sóc sức khỏe cho quan lại.
- D. Làm lịch, xem ngày giờ,..

Câu 13. Cơ mật viện có chức năng, nhiệm vụ nào?

- A. Tiếp nhận và xử lý công văn.
- B. Tham mưu, tư vấn cho nhà vua các vấn đề chiến lược về quân sự.
- C. Nắm quyền chỉ đạo các quan văn, thay thế vua xử lý một số công việc.
- D. Giám sát thi hành luật pháp và quy định triều đình.

Câu 14. Thái y viện có chức năng - nhiệm vụ nào?

- A. Soạn thảo văn bản.
- B. Giảng dạy kinh sử, đào tạo nhân tài.
- C. Chăm sóc sức khỏe.
- D. Làm lịch, xem ngày giờ,..

Câu 15. Lĩnh vực trọng tâm trong cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

- A. kinh tế.
- B. chính trị.
- C. văn hóa.
- D. hành chính.

Câu 16. Năm 1829, vua Minh Mạng cho lập Nội các để thực hiện nhiệm vụ nào dưới đây?

- A. Tiếp nhận và xử lý công văn.
- B. Phụ trách thuế khóa, hộ tịch.
- C. Cố vấn các vấn đề quân sự.
- D. Khởi thảo văn kiện cho triều đình.

Câu 17. Trong cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX), đứng đầu tỉnh là

- A. chủ tịch tỉnh, bí thư tỉnh uỷ.
- B. thị trưởng, chủ tịch tỉnh.
- C. tổng đốc, tuần phủ.
- D. tỉnh trưởng.

Câu 18. Để khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất,, vua Minh Mạng đã

- A. thi hành các biện pháp cải cách, trọng tâm là hành chính.
- B. áp dụng mô hình chính quyền của phương Tây.
- C. dùng quân đội để thi hành chính sách cưỡng bức, ép buộc.
- D. tiếp tục duy trì thể chế quân chủ chuyên chế.

Câu 19. Tình hình chính quyền vào năm đầu thời Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) là

- A. bộ máy chính quyền đồng bộ, tập trung.
- B. quyền lực nhà vua và triều đình bị hạn chế.
- C. tình hình an ninh- xã hội ổn định.
- D. vua nắm vai trò tuyệt đối lãnh đạo đất nước.

Câu 20. Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã đem lại một trong những kết quả nào sau đây?

- A. Đưa đất nước phát triển lên chế độ tư bản chủ nghĩa.
- B. Thúc đẩy bộ máy chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả.

- C. Góp phần mở cửa và hội nhập nền kinh tế khu vực.
- D. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

II. THÔNG HIỂU

Câu 21. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh tình hình chính quyền vào năm đầu thời Minh Mạng?

- A. Thiếu sự thống nhất, đồng bộ, tập trung.
- B. Quyền lực nhà vua và triều đình bị hạn chế.
- C. Tình hình an ninh- xã hội nhiều bất ổn.
- D. Ở địa phương, đất nước được chia thành các tỉnh.

Câu 22. Dưới thời vua Gia Long, nhà Nguyễn tập trung chủ yếu vào công cuộc

- A. ổn định tình hình đất nước, ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất về mặt lãnh thổ
- B. hoàn thiện bộ máy hành chính nhà nước từ trung ương đến địa phương.
- C. phát triển kinh tế, mở rộng hợp tác với cả phương Đông và phương Tây.
- D. xây dựng thành lũy kiên cố, chế tạo súng trường theo kiểu mẫu của Pháp.

Câu 23. Trọng tâm cuộc cải cách của vua Minh Mạng là

- A. hành chính.
- B. kinh tế.
- C. quân sự.
- D. đối ngoại.

Câu 24. Năm 1829, vua Minh Mạng cho lập Nội các thay thế cho Văn thư phòng. Cơ quan này **không** có nhiệm vụ.

- A. tiếp nhận và xử lý công văn.
- B. giúp vua khởi thảo văn bản hành chính.
- C. coi giữ ấn tín, lưu trữ châu bản.
- D. giám sát việc thi hành luật pháp và quy định của triều đình.

Câu 25. Ở địa phương, điểm đặc biệt trong cải cách của vua Minh Mạng là.

- A. cải tổ hệ thống Văn thư phòng.
- B. thành lập Nội các và Cơ mật viện.
- C. chia đất nước thành các tỉnh.
- D. văn bản hành chính được quy định chặt chẽ.

Câu 26. Thời vua Minh Mạng, ở địa phương, hệ thống hành chính phân cấp theo mô hình từ trên xuống theo thứ tự là

- A. Tỉnh, phủ, huyện, châu, xã và tổng.
- B. Tỉnh, phủ, huyện/châu, tổng và xã.
- C. Tỉnh, huyện, phủ, châu, tổng và xã.
- D. Tỉnh, huyện, châu, xã, tổng và phủ.

Câu 27. Đối với vùng dân tộc thiểu số, về hành chính, vua Minh Mạng đã

- A. đổi các bản, sách, động thành xã.
- B. ra lệnh xoá bỏ tập tục truyền thống.

C. xóa bỏ Bắc thành và Gia Định thành.

D. cho triển khai đo đạc lại ruộng đất.

Câu 28. Để bảo vệ chế độ phong kiến, vua Minh Mạng chủ trương độc tôn

A. Nho giáo. B. Phật giáo. C. Thiên chúa giáo. D. Đạo giáo.

Câu 29. Nội dung nào sau đây **không** phải là kết quả của cuộc cải cách của vua Minh Mạng?

A. Xây dựng được chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ.

B. Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.

C. Tổ chức cơ cấu bộ máy nhà nước gọn nhẹ, chặt chẽ.

D. Xây dựng chế độ quân chủ trung ương phân quyền cao độ.

Câu 30. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX đã

A. thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

B. thống nhất đất nước về mặt hành chính.

C. xác lập quan hệ ngoại giao với các nước phương Tây.

D. phân chia các tỉnh trên cả nước như hiện nay.

Bài 12. VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

I. NHẬN BIẾT

Câu 1. Biển Đông là biển thuộc khu vực nào sau đây?

A. Ấn Độ Dương.

B. Thái Bình Dương.

C. Đại Tây Dương.

D. Địa Trung Hải.

Câu 2. Eo biển nào sau đây **không** nằm trong khu vực Biển Đông?

A. Eo Đài Loan.

B. Eo Magenllan.

C. Eo Ma-lắc-ca.

D. Eo Ba-si.

Câu 3. Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương về lĩnh vực nào sau đây?

A. Văn hóa - Thể thao.

B. Giáo dục - Y tế.

C. Quốc phòng - an ninh.

D. Văn hóa - giáo dục.

Câu 4. Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của người dân ở một số nước thuộc khu vực nào sau đây?

A. Châu Phi.

B. Châu Mỹ.

C. Châu Âu.

D. Châu Á- Thái Bình Dương.

Câu 5. Nước nào sau đây ở khu vực Biển Đông có sản lượng đánh bắt và nuôi trồng hải sản đứng hàng đầu thế giới?

A. Thái Lan.

B. Lào.

C. Na Uy.

D. Phần Lan.

Câu 6. Các cảng biển lớn trên Biển Đông có vai trò như thế nào?

A. Điểm trung chuyển của tàu thuyền. B. Nơi giao lưu kinh tế, văn hóa.

C. Điểm tập trung phát triển du lịch. D. Nơi giải quyết các vấn đề xã hội.

Câu 7. Theo Tổ chức Lương thực và nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), Biển Đông là vùng biển có sản lượng nào sau đây lớn nhất thế giới?

- A. Nông nghiệp. B. Lương thực.
C. Chăn nuôi. D. Đánh bắt hải sản.

Câu 8. Các nước Đông Nam Á ven biển đang được hưởng lợi ích trực tiếp từ Biển Đông trong vấn đề phát triển nào sau đây?

- A. Chính trị. B. Quân sự. C. Kinh tế. D. Văn hóa.

Câu 9. Nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng của Biển Đông có giá trị cao đối với hoạt động nào sau đây?

- A. Nghiên cứu khoa học. B. Nghiên cứu dân tộc học.
C. Nghiên cứu văn hóa. D. Nghiên cứu ngôn ngữ học.

Câu 10. Nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng của Biển Đông **không** có giá trị cao đối với hoạt động nào sau đây?

- A. Nghiên cứu khoa học. B. Phục vụ đời sống của người dân.
C. Phát triển kinh tế - xã hội. D. Diễn tập quân sự ngoài biển.

Câu 11. Một trong những loại khoáng sản ở Biển Đông có giá trị đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển kinh tế của một quốc gia là?

- A. Than. B. Dầu khí. C. Đồng. D. Sắt.

Câu 12. Eo Ma-lắc-ca là điểm điều tiết giao thông quan trọng bậc nhất ở châu lục nào sau đây?

- A. Châu Âu. B. Châu Mỹ. C. Châu Phi. D. Châu Á.

Câu 13. Eo biển nào sau đây là điểm điều tiết giao thông quan trọng bậc nhất ở châu Á?

- A. Eo Magellan. B. Eo Mackinac. C. Eo Ma-lắc-ca. D. Eo Makassar.

Câu 14. Quần đảo nào sau đây thuộc chủ quyền của Việt Nam nằm ở trung tâm của Biển Đông?

- A. Borneo. B. Greenland. C. Trường Sa. D. New Guinea.

Câu 15. Các đảo và quần đảo nào sau đây ở Biển Đông **không** thuộc chủ quyền của Việt Nam?

- A. Trường Sa. B. Hoàng Sa. C. Chàng Tây. D. Đông Sa.

Câu 16. Nguồn tài nguyên, khoáng sản, du lịch đa dạng là điều kiện để các đảo trên biển Đông phát triển lĩnh vực nào sau đây?

- A. Kiểm soát, đảm bảo an ninh giao thông trên biển.
B. Xây dựng cơ sở hậu cần, kỹ thuật, phục vụ quân sự.

C. Phát triển hoạt động kinh tế có tầm chiến lược.

D. Thuận lợi xây dựng các trạm thông tin, trạm dừng chân.

Câu 17. Hiện nay Hoàng Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh, thành phố nào ở Việt Nam?

A. Thành phố Đà Nẵng.

B. Bà Rịa – Vũng Tàu.

C. Cà Mau.

D. Kiên Giang.

Câu 18. Hiện nay Trường Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh nào ở Việt Nam?

A. Đà Nẵng.

B. Kiên Giang.

C. Khánh Hòa.

D. Cà Mau.

Câu 19. Quần đảo Hoàng Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam nằm ở vị trí nào trên biển Đông?

A. Bắc biển Đông.

B. Nam biển Đông.

C. Tây biển Đông.

D. Đông biển Đông.

Câu 20. Quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam nằm ở vị trí nào của Biển Đông?

A. Đông Nam.

B. Tây Bắc.

C. Phía Tây Nam.

D. Phía Nam.

Câu 21. Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam ngoài có vị trí chiến lược về kinh tế, còn có vị trí chiến lược về

A. văn hóa - xã hội.

B. giao thông vận tải.

C. quốc phòng - an ninh.

D. khoa học - kỹ thuật.

Câu 22. Khu vực biển của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa chứa đựng tài nguyên băng cháy lớn, được coi là nguồn năng lượng thay thế

A. titan.

B. thiếc.

C. diricon.

D. dầu khí.

Câu 23. Việc xây dựng cơ sở hậu cần - kỹ thuật ở một số đảo, quần đảo ở Biển Đông nhằm phục vụ hoạt động nào sau đây?

A. Hoạt động của cảnh sát biển .

B. Hoạt động khai thác dầu khí.

C. Hoạt động quảng bá du lịch.

D. Hoạt động quân sự và kinh tế.

Câu 24. Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam có thế mạnh về ngành kinh tế nào sau đây?

A. Nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản.

B. Dịch vụ hàng hải và chăm sóc khách hàng.

C. Dịch vụ hàng hải và đánh bắt hải sản.

D. Khai thác tài nguyên khoáng sản.

Câu 25. Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam thuộc hệ thống đảo nào sau đây?

Câu 35. Với vị trí trung tâm của biển Đông, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có vai

trò gì đối với giao thông trên biển?

- A. Giúp cư dân các nước trong khu vực thoải mái đi lại và giao lưu kinh tế.
- B. Kiểm soát, đảm bảo an ninh các tuyến đường giao thông trên biển Đông.
- C. Giúp cư dân trong khu vực khai thác các nguồn năng lượng mới.
- D. Góp phần thúc đẩy kinh tế du lịch biển ngày càng phát triển.

Câu 36. Yếu tố nào **không** tạo nên vị thế chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên biển Đông?

- A. Vị trí án ngữ đường hàng hải quốc tế.
- B. Nhiều hải sản quý, giá trị kinh tế cao.
- C. Kiểm soát đường hàng hải trên biển Đông.
- D. Trung Quốc luôn có âm mưu chiếm giữ trái phép.

TỰ LUẬN : (3 điểm)

Câu 1. Phân tích bối cảnh lịch sử, kết quả, ý nghĩa cuộc cải cách của Lê Thánh Tông?
Chỉ ra điểm tiến bộ của luật Hồng Đức.

Câu 2. Vì sao vào nửa đầu thế kỉ XIX, vua Minh Mạng tiến hành cải cách hành chính?

Câu 3. Liên hệ với thực tiễn em hãy cho biết những bài học kinh nghiệm nào từ cuộc cải cách của vua Minh Mạng có thể áp dụng vào việc xây dựng nền hành chính Việt Nam hiện đại? Lấy ví dụ cụ thể.

Câu 4. Vì sao Biển Đông là địa bàn chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương?

Câu 5. Phân tích vai trò của nguồn tài nguyên thiên nhiên biển đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của các nước trong khu vực.